

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 01/2021/DS-ST

Ngày: 08-01-2021

“V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Phú Vinh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mùa

Ông Phan Tấn Lãm

-Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thanh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Bù Gia Mập.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tham
gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương - Kiểm sát viên.***

Trong ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 92/2020/TLST-DS, ngày 24 tháng 8 năm 2020 về việc ***“Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”***, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2020/QĐXX-DS ngày 17 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2021/QĐST-DS ngày 05 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kiều A, sinh năm 1976; Địa chỉ: Khu phố 5, phường LT, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước; Người Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông ***Võ Hồng B***, sinh năm 1983, địa chỉ: Khu phố 4, phường TM, thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước tham gia tố tụng (*có mặt*).

Bị đơn: Ông Lê Văn C, sinh năm 1985; ***Bà Hoàng Thị D***, sinh năm 1991; Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay: thôn 1, xã TT, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020, Bản tự khai và lời trình bày tại phiên tòa, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều A là ông Võ Hồng B có nội dung tóm tắt như sau:

Do vợ chồng ông C, bà D có vay của ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông

thôn chi nhánh thị xã Phước Long (sau đây được gọi tắt là Ngân hàng Agribank) theo hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-201600363 với số tiền gốc là 400.000.000 đồng và tiền lãi là 165.984.175 đồng, tổng số tiền 565.984.175 đồng. Khi đến hạn trả nợ, vợ chồng ông bà không có tiền trả cho Ngân hàng nên khi vợ chồng ông C, bà D chuyển ra tỉnh Thanh Hóa sinh sống thì có trao đổi với bà A là người vợ chồng ông C, bà D quen biết và thống nhất nhờ bà A đứng ra trả nợ cho Ngân hàng, sau đó ủy quyền cho bà A nhận lại Giấy chứng nhận QSDĐ và tìm người chuyển nhượng quyền sử dụng đất này để trả nợ lại cho bà A và được bà A đồng ý.

Vào ngày 01 tháng 6 năm 2018, vợ chồng ông C, bà D ra Văn phòng Công chứng huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa để làm ủy quyền cho bà A để thay mặt vợ chồng ông C ký hợp đồng đặt cọc, chuyển nhượng đối với quyền sử dụng đất đã thế chấp cho hợp đồng tín dụng nêu trên. Đến ngày 04 tháng 7 năm 2018, khi có người muốn mua quyền sử dụng đất trên của ông C, bà D nên bà A có điện thoại cho ông C thì ông nói “*chị tất toán món vay cho em, rồi sau khi em bán quyền sử dụng đất đó em sẽ trả tiền cho chị*”. Nghe lời vợ chồng ông C, nên vào ngày 06 tháng 7 năm 2018, bà A đi mượn tiền và đã thanh toán khoản vay này cho Ngân hàng theo ủy quyền của vợ chồng ông C và đã nhận lại Giấy chứng nhận QSDĐ.

Tuy nhiên, người muốn mua mảnh đất của vợ chồng ông C có việc đi về Bắc nên chưa thực hiện việc chuyển nhượng được. Đến ngày 30 tháng 8 năm 2018, vợ chồng ông C có điện thoại cho bà A nói rằng: “*Chị ơi, xem như vợ chồng em đã vay số tiền mà từ trước tới giờ chị trả vào ngân hàng cho vợ chồng em, Chị hoãn đừng chuyển nhượng mảnh đất trên và cho vợ chồng em 2 năm sau vợ chồng về sẽ trả hết tiền cho chị và nhận lại giấy chứng nhận QSDĐ đó*”. Vì thương vợ chồng ông C nên bà A vẫn chấp nhận đề nghị trên. Đến Ngày 28 tháng 7 năm 2020 bà A nghe thông tin và được biết Quyền sử dụng đất nêu trên của vợ chồng ông C, bà D đã bị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước có kế hoạch kê biên, bán đấu giá để thi hành bản án của Tòa án thì bà A đã giao lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập vào ngày 16 tháng 9 năm 2020. Bà A đã liên hệ vợ chồng ông C, bà D nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông C, bà D trả nợ nhưng ông bà vẫn không trả. Nay, ông B đại diện theo ủy quyền của bà A yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập giải quyết buộc vợ chồng ông C, bà D phải trả cho cho bà A số tiền đã vay là 565.984.175 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Quá trình thu thập chứng cứ, Bị đơn là ông Lê Văn C và bà Hoàng Thị D

trình bày được tóm tắt như sau:

Vợ chồng ông C, bà D không có vay của bà A số tiền 565.984.175 đồng, mà trên thực tế vợ chồng ông bà có vay của ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước với số tiền 400.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số số 5605-LAV-201600363 vào tháng 3 năm 2016, hạn trả nợ theo quý, mỗi quý phải trả khoảng hơn 10 triệu đồng, thời gian vay là 05 năm. Tuy nhiên, do điều kiện kinh tế gặp khó khăn nên đến đầu năm 2018 vợ chồng ông bà không có khả năng trả nợ cho ngân hàng nên đã đồng ý ủy quyền cho bà A thanh lý diện tích đất 499,1m², thửa đất số 5A, tờ bản đồ 02 bản đồ địa chính xã Phú Văn, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước để tất toán hợp đồng vay trên của vợ chồng ông bà với phía của ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam chi nhánh thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Để thực hiện việc ủy quyền thanh toán, vợ chồng ông bà đã lập văn bản ủy quyền việc thanh lý diện tích đất nêu trên cho bà A tại văn phòng công chứng huyện Triệu Sơn.

Nay, bà A khởi kiện vợ chồng ông bà ra tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập và yêu cầu phải trả lại cho bà A số tiền còn nợ là 565.984.175 đồng thì vợ chồng ông bà đồng ý. Vì bà A đã bỏ ra khoản tiền này thanh toán giúp vợ chồng ông bà với ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước. Nhưng do hiện nay vợ chồng ông bà đang gặp khó khăn nên không trả được tất cả số tiền trên một lần cho bà A được, hiện tại vợ chồng ông bà còn lại khoản tiền đã được thi hành khoản nợ khác còn dư lại 174.629.863 đồng theo hợp đồng gửi tiền số 1000007058470472/HĐTG ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập với ngân hàng chính sách xã hội huyện Bù Gia Mập, vợ chồng ông bà đồng ý giao lại toàn bộ số tiền này cho bà A. Số tiền còn lại vợ chồng ông bà xin trả dần cho đến khi hết nợ.

Ý kiến Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, tòa án đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của pháp luật và giải quyết vụ án đúng thẩm quyền. Về những người tham gia tố tụng trong vụ án đã chấp hành đúng quy định.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ vụ án, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều A. Buộc Ông Lê Văn C và bà Hoàng Thị D phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền gốc còn nợ là 565.984.175 đồng. Về tiền lãi không yêu cầu nên không xem xét.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Đây là vụ án dân sự về “**Tranh chấp hợp đồng vay tài sản**” do nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Kiều A khởi kiện, bị đơn là ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D có Hộ khẩu thường trú tại thôn 2, xã PV, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở hiện nay tại

thôn 1, xã TT, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa, thì theo Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ số 08/2020/QĐ-UTTA ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước, Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa đã tiến hành lập Biên bản lấy lời khai vào ngày 03 tháng 12 năm 2020 đối với ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D. Qua đó, ông bà đồng ý chọn Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước là Tòa án giải quyết tranh chấp. Vì vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập.

[1.2] *Về thủ tục giải quyết vắng mặt:* Quá trình thu thập chứng cứ, bị đơn là ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D đã trình bày nội dung lời khai và có đơn xin giải quyết vắng mặt. Vì vậy, theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, HĐXX vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2]. Phân tích nội dung và yêu cầu khởi kiện:

Mặc dù, tại phiên tòa vắng mặt bị đơn là ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D và quá trình vay mượn các bên cũng không lập văn bản gì. Tuy nhiên, căn cứ vào Biên bản lấy lời khai lập ngày 03 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa theo Quyết định Ủy thác thu thập chứng cứ 08/2020/QĐ-UTTA ngày 09 tháng 11 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước thì bị đơn là ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D cho rằng không có vay tiền của bà Nguyễn Thị Kiều A nhưng thừa nhận có nợ của bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền là 565.984.175 đồng hiện nay chưa trả. Đây là số tiền mà vợ chồng ông bà đã nhờ bà Nguyễn Thị Kiều A bỏ ra và thay mặt mình trả nợ cho Ngân hàng Agribank chi nhánh thị xã Phước Long, tỉnh Bình Phước với số tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng số 5605-LAV-201600363.

Từ những chứng cứ nêu trên HĐXX khẳng định, việc ông Lê Văn C và bà Hoàng Thị D có vay của bà Nguyễn Thị Kiều A với số tiền 565.984.175 đồng để trả nợ cho Ngân hàng là có thật và hiện nay chưa thanh toán. Quá trình lấy lời khai, vợ chồng ông bà cũng đồng ý trả nợ cho bà Nguyễn Thị Kiều A. Tuy nhiên, do hiện nay vợ chồng ông bà đang gặp khó khăn nên không thể trả được tất cả số tiền trên một lần cho bà Nguyễn Thị Kiều A được, hiện tại vợ chồng ông bà còn lại khoản tiền đã được thi hành khoản nợ khác còn dư lại 174.629.863 đồng theo hợp đồng gửi tiền số 1000007058470472/HĐTG ngày 26 tháng 6 năm 2020 giữa Chi cục thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập với ngân hàng chính sách xã hội huyện Bù Gia Mập, vợ chồng ông bà đồng ý giao lại toàn bộ số tiền này cho bà Nguyễn Thị Kiều A. Số tiền còn lại vợ chồng ông bà xin trả dần cho đến khi hết nợ. Tại phiên tòa, Ông Võ Hồng B là người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Kiều A không đồng ý với phương thức thanh toán như lời trình bày của vợ chồng ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D. Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Nguyễn Thị Kiều A, ông Võ Hồng B yêu cầu vợ chồng ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Kiều A một lần với số tiền đã vay là 565.984.175 đồng. Xét thấy, yêu cầu này của đại diện nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với pháp luật nên được HĐXX chấp nhận.

Quá trình khởi kiện và thu thập chứng cứ cũng như tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị Kiều A, ông Võ Hồng B không yêu cầu tính lãi nên HĐXX không xem xét.

[3] Đối với bài phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập là có cơ sở, phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; 147; 227; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều A về “tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

2. Tuyên xử:

Buộc bị đơn ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền đã vay là 565.984.175 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải nộp 28.299.209 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền tạm ứng án phí là 11.659.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019400; Quyền số 000388 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong

thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh BP;
- VKSND huyện Bù Gia Mập;
- Chi cục THADS huyện Bù Gia Mập;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Văn Phú Vinh

TAND TỈNH BÌNH PHƯỚC
TAND HUYỆN BÙ GIA MẬP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bù Gia Mập, ngày 08 tháng 01 năm 2021

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 10 giờ 00 ngày 08 tháng 01 năm 2021, tại phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập với thành phần Hội đồng xét xử gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: **Ông Văn Phú Vinh**

Các hội thẩm nhân dân: **Ông Phan Tấn Lâm; bà Nguyễn Thị Mùa**

Đã tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 92/2020/TLST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2020.

Sau khi nghiên cứu các C liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử thảo luận từng nội dung của vụ án và thống nhất biểu quyết 3/3 quyết định:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 40; 147; 227; 266; 271; 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 117, 119; 463; 466 của Bộ luật dân sự 2015;

- Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kiều A về “tranh chấp hợp đồng vay C sản”.

2. Tuyên xử:

Buộc bị đơn ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải có trách nhiệm trả cho bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền đã vay là 565.984.175 đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Văn C, bà Hoàng Thị D phải nộp 28.299.209 đồng.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Kiều A số tiền tạm ứng án phí là 11.659.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0019400; Quyền số 000388 ngày 20 tháng 8 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

4. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền phải trả cho người thi hành án, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi

suất hai bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm, nếu không thỏa thuận được thì theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương.

Buổi nghị án kết thúc hồi 10 giờ 15 cùng ngày. Các thành viên Hội đồng xét xử đã đọc lại biên bản.

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA